

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

Gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư kỹ thuật. Hàng hóa được giao đến Trung tâm Thí nghiệm Lưu mẫu, Hoài Đức, Hà Nội. Thời gian thực hiện gói thầu là 07 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng, tên, mã hiệu, nhãn hiệu, năm sản xuất, xuất xứ, hãng sản xuất và các thông số kỹ thuật của hàng hóa theo quy định.

- Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, nhãn hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải bảo đảm yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu. Thông số kỹ thuật của chủ đầu tư chỉ là thông số cơ bản, yêu cầu nhà thầu chào rõ, đúng và đủ chủng loại, khối lượng, tên, mã hiệu, nhãn hiệu, năm sản xuất, xuất xứ, hãng sản xuất và các thông số kỹ thuật.

- Yêu cầu về vận chuyển: Hàng hóa được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng, bảo đảm an toàn, không làm hư hỏng hàng hóa.

- Các mặt hàng bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, mới 100%, chưa qua sử dụng. Các mặt hàng sẽ được kiểm tra, thử nghiệm theo quy trình nghiệm thu của từng loại mặt hàng. Hàng hóa được bao gói chắc chắn, thuận tiện cho việc di chuyển và cất giữ lâu dài.

- Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật sáng tiếng Việt để phục vụ đối chiếu, đánh giá E-HSDT.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

- Tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Giấy bao gói Kraft	Định lượng: 170g/m ² ±2%; khổ: 790 x 1.090 mm.; Quy cách bao gói: 250 tờ/ram
2	Giấy in bìa	Định lượng: 180±3,6g/m ² ; xanh ngọc, khổ 790 x 1.090 mm; Quy cách bao gói: 250 tờ/ram
3	Giấy in bìa c150	Định lượng: 150(±4%)g/m ² , khổ 790 x 1.090 mm; màu trắng; Độ trắng: ≥ 84%, Độ chặt ≥ 660kg/m ³ ; Độ hút nước ≤ 30%; Chỉ số bền xé trung bình ≥ 3,5 mN.m ² /g; Độ bụi ≤ 20ppm; Keo bề mặt ≥ 3,5 g/m ² /2 mặt; quy cách bao gói: 250 tờ/ram; 10ram/Palet, quấn nilong bọc chống

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		ẩm
4	Giấy in bìa c200	Định lượng: 200±2% g/m ² ; khổ 790 x 1.090mm; độ dày: 180 ±5% μm; độ sáng: 88±3%; độ trắng: 115±5%; Độ mờ đục: ≥97%; độ bóng: 72±5%; độ nhám: ≤2,0 μm. Quy cách bao gói: 250 tờ/Ram, 10ram/Pallet, quấn nilong bọc chống ẩm
5	Giấy in ruột	Định lượng: 70±1g/m ² , khổ 790 x 1.090 mm; màu trắng; Độ trắng: ≥ 84%, Độ chặt ≥ 660kg/m ³ ; Độ hút nước ≤ 30%; Độ tro: ≥10%; Độ ẩm: 6±1%; Độ đục ≥ 85%, Độ nhám trung bình: ≤ 450ml/ph; Chỉ số bền kéo trung bình hai hướng ≥ 33Nm/g; Chỉ số bền xé trung bình ≥ 3,5 mN.m ² /g; Độ bụi ≤ 20ppm; Keo bề mặt ≥ 3,5 g/m ² /2 mặt; quy cách bao gói: 500 tờ/ram; 10ram/Palet, quấn nilong bọc chống ẩm
6	Giấy in ruột c80	Định lượng: 80±2% g/m ² ; khổ 790 x 1.090 mm; độ dày: 64 μm; độ sáng: 88±3%; độ trắng: 115±5%; Độ mờ đục: ≥ 88%; độ bóng: 74±5%; độ nhám: ≤1,5 μm. Quy cách bao gói: 250 tờ/Ram; 10ram/Palet, quấn nilong bọc chống ẩm

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu cam kết toàn bộ vật tư, hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ: chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q), chứng nhận xuất xưởng (KCS) của nhà sản xuất để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp, tuân thủ đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ ngành có liên quan đáp ứng được các yêu cầu E-HSMT và các yêu cầu kỹ thuật khác có liên quan. Chủ đầu tư phải nhận được bản gốc của các giấy tờ trên trước khi những hàng hóa trên được chuyển đến địa điểm quy định.

- Để đảm bảo hiệu quả cho công việc được tốt nhất, khuyến khích nhà thầu cử nhân sự có trách nhiệm trực tiếp đến địa điểm giao dịch để làm việc, giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp đồng.

- Nhà thầu có kế hoạch chi tiết quy trình duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu và cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ...

1.3.1 Chỉ tiêu ngoại quan

- Không có vân mây khi soi ra ánh sáng
- Màu sắc không đều
- Không nhăn, phồng, thủng, gấp, rách
- Không bị bóc xơ xori trên bề mặt khi in
- Không có máu nổi
- Mép giấy và hai bên mặt cắt hai bên phải thẳng, phẳng, không bị lao xờm.

1.3.2 Hàng hóa cung cấp phải đáp ứng các yêu cầu sau

- Giấy không có tính xít, được sản xuất 100% từ bột gỗ.

- Hàng hóa được sản xuất theo quy trình đạt chuẩn Quốc tế ISO 9001 về hệ thống quản lý chất lượng; ISO 14001 về hệ thống quản lý môi trường; ISO 9706 về độ bền của giấy.

1.3.3 Yêu cầu đóng gói:

- Giấy bìa được đóng gói kín bằng lớp giấy bao gói có tráng nilon chống thấm nước.

- Ram giấy xếp chồng theo kiện giấy bọc Nilon, chiều cao không quá 15 ram.

- Trên mỗi Ram giấy có tem nhãn thể hiện; hãng giấy, kích thước, cân nặng.

- Tem nhãn trên mỗi kiện giấy thể hiện: Lô số, tên công ty nhập, ngày, tháng đặt hàng, chủng loại, kích thước, trọng lượng giấy, hãng giấy; tên cảng nhập.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, nhãn mác, chất lượng hàng hóa: Thực hiện chi tiết, chặt chẽ bởi cán bộ kỹ thuật của Chủ đầu tư. Trên cơ sở đề xuất kỹ thuật đã được chấp thuận của E-HSMT, Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra kỹ lại toàn bộ bản gốc hồ sơ, giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng sản phẩm mà Nhà thầu cung cấp, đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), chương III của E-HSMT và các cam kết, đề xuất trong E-HSMT. Nếu đạt yêu cầu mới tiến hành lắp đặt, bàn giao.

- Kiểm tra hạn sử dụng của từng loại hàng hóa;

- Kiểm tra định lượng giấy, chỉ số bền kéo của giấy in ruột theo TCVN 1862-2:2010 Giấy và các tông - xác định tính chất bền kéo - Phần 2: Phương pháp tốc độ giãn dài không đổi (20mm/min). Tính độ bền kéo của giấy thông qua định lượng mẫu giấy và tiêu chuẩn cơ sở 01:2016/GBB về yêu cầu kỹ thuật của giấy.

- Kiểm tra các thông số kỹ thuật theo E-HSMT sẽ được thử nghiệm tại kho để đánh giá chất lượng của hàng hóa bàn giao. Cân định lượng, kiểm tra độ trắng, độ dày và các thông số khác, đồng thời sẽ được in thử trên máy in offset, máy in KTS để đánh giá chất lượng của hàng hóa bàn giao theo đúng yêu cầu tại Mục 2 – Yêu cầu kỹ thuật.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm tại địa điểm cung cấp hoặc địa điểm kiểm tra thử nghiệm của cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu của Chủ đầu tư để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Kiểm định hàng hóa theo quy định hiện hành (Kiểm tra, giám định chất lượng và an toàn).

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.

- Khi thực hiện kiểm tra và thử nghiệm, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

Mọi chi phí cho việc kiểm tra và thử nghiệm do nhà thầu chịu.